TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-11-2023
V/v:"Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Thuận

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà: Ông Lục Văn Đông – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn C, sinh năm 1971 - có mặt.
- *Bị đơn:* Bà Võ Thị B, sinh năm 1976 - có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 250 Nguyễn Văn L, thị trấn Ea T, huyện Cư J, tỉnh Đắk N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 23/6/2023 và tại bản tự khai nguyên đơn ông Mai Văn C trình bày:

Năm 1990 ông và bà Võ Thị B quen biết, yêu thương nhau và đi đến quyết định kết hôn, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông vào năm 1991. Ông đã gửi hồ sơ xác minh tại UBND xã Tâm Thắng về việc đăng ký kết hôn giữa hai vợ chồng tuy nhiên UBND xã Tâm Thắng trả lời hiện sổ lưu trữ kết hôn của UBND xã Tâm Thắng không thể hiện thông tin đăng ký kết hôn giữa hai ông bà. Do đó hiện nay vợ chồng không có đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường nhưng về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không cùng quan điểm và cách sống, tình cảm bắt đầu đi xuống, không còn tình yêu thương, quý trọng lẫn nhau. Năm

1997 bà B là người không chung thủy, có quan hệ ngoài luồng với người khác. Ông cũng đã nhiều lần nhờ gia đình hai bên can thiệp giảng giải để vợ chồng hòa thuận cùng chăm lo cho con cái nhưng không có kết quả. Vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau, mối quan hệ đã hoàn toàn đổ vỡ.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Võ Thị B.

Tại bản tự khai bị đơn bà Võ Thị B trình bày:

Bà và ông Mai Văn C chung sống với nhau tự nguyện vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Hợp tác xã Quyết Tiến, xã Cư Jút, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông) vào năm 1991, tuy nhiên hồ sơ lưu trữ tại UBND xã Tâm Thắng không thể hiện ông bà có đăng ký kết hôn, dẫn đến hiện nay ông bà không có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và do ông C hay ghen tuông vô cớ dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không hạnh phúc. Đến nay các con chung của ông bà đã lớn và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình, bà nhận thấy không thể tiếp tục đời sống chung với ông C được nữa. Nay ông C yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thì bà đồng ý, đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà và ông C

Về con chung: Trong quá trình sống chung ông C và bà B có 03 con chung tên Mai Thị Thu T, sinh ngày 02/5/1992, Mai Thị Hồng N, sinh ngày 01/9/1994 và Mai Nguyên Duy P, sinh ngày 10/5/1998. Vì các con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà B. Về con chung: Vì các con chung hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn: Đồng ý với ý kiến do nguyên đơn đưa ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Văn C và bà Võ Thị B.

Về con chung: Do các con chung Mai Thị Thu T, sinh ngày 02/5/1992, Mai Thị Hồng N, sinh ngày 01/9/1994 và Mai Nguyên Duy P, sinh ngày 10/5/1998 đều đã trưởng thành, phát triển bình thường và ông C, bà B không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà B không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông C và bà B khai chung sống với nhau từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Hợp tác xã Quyết Tiến, xã Cư Jút, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông), tuy nhiên theo Công văn số 169/UBND-TP ngày 11/4/2023 của UBND xã Tâm Thắng trả lời hiện sổ lưu trữ kết hôn của UBND xã Tâm Thắng không thể hiện thông tin đăng ký kết hôn của ông Mai Văn C và bà Võ Thị B do đó không có cơ sở xác định ông C và bà B có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng", bị đơn bà Võ Thị B đang cư trú tại số 250 Nguyễn Văn L, thị trấn Ea T, huyện Cư J, tỉnh Đắk N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Mai Văn C và bà Võ Thị B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1991 đến nay, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà B là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình sống chung giữa ông C và bà B xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai ông bà.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông C và bà B đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà B.

- *Về con chung*: Trong quá trình sống chung ông C và bà B có 03 con chung là Mai Thị Thu T, sinh ngày 02/5/1992, Mai Thị Hồng N, sinh ngày 01/9/1994 và Mai Nguyên Duy P, sinh ngày 10/5/1998, vì các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, ông C và bà B không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung* và nợ chung: Ông C và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 267; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn C.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Văn C và bà Võ Thị B.

Về con chung: Ông C và bà B có 03 con chung là Mai Thị Thu T, sinh ngày 02/5/1992, Mai Thị Hồng N, sinh ngày 01/9/1994 và Mai Nguyên Duy P, sinh ngày 10/5/1998, vì các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, ông C và bà B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Ông Mai Văn C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông C đã nộp theo Biên lai thu số 0000328 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Ông C đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Ông C và bà B có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jút*;
- *CCTHADS Huyện Cư Jút*;
- *Lưu VP, hồ sơ .*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh